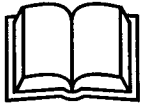


TRAO ĐỔI



Ý KIẾN

GÓP THÊM MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ QUAN HỆ GIỮA NGƯỜI THÁI VÀ NGƯỜI MƯỜNG Ở VIỆT NAM

HOÀNG LƯƠNG

LTS. Trong Số 3 năm 2001, Tạp chí Dân tộc học đã công bố một nghiên cứu của tác giả Hoàng Lương về Những dấu tích của người Thái ở vùng Mường Hoà Bình, trên chuyên mục Trao đổi ý kiến. Bài báo đã gây nên một số tranh luận và Toà soạn Tạp chí đã cho đăng công trình của tác giả Đặng Việt Bích, nhằm thảo luận với tác giả Hoàng Lương. Bài viết này, như tác giả Hoàng Lương tự bạch "không có ý tranh luận", song chúng tôi vẫn xếp vào chuyên mục Trao đổi ý kiến, với hy vọng làm sôi nổi thêm không khí học thuật.

Nhân đọc bài *Giải thích về dấu tích người Thái ở vùng Mường Hoà Bình* của PGS.TS Đặng Việt Bích, trong mục *Trao đổi ý kiến* của Tạp chí Dân tộc học, số 6-2004 (tr. 49-51), tôi muốn được bày tỏ lòng cảm ơn tới PGS.TS Đặng Việt Bích và bạn đọc đã quan tâm tới bài viết của tôi*. Trong bài này, tôi không có ý tranh luận mà mong góp thêm một số cứ liệu và suy nghĩ xung quanh vấn đề đã đặt ra.

Cho đến nay, đã có nhiều ý kiến bàn về nguồn gốc người Mường và người Thái, đặc biệt là mối quan hệ giữa hai tộc người này. Xin được tóm tắt một số ý kiến chính như sau:

Người Mường là lớp cư dân ở nước ta sống từ thời cổ đại. Họ là nhóm "người Việt miền núi" (*tảo tôi*), người ở trong (*mol kloong*); còn người Kinh được gọi là người ở ngoài (*mon ngoai*) (người ở ngoài đồng

bằng)⁽¹⁾. Theo quan điểm này thì người Mường và người Kinh có chung nguồn gốc, sau đó họ mới tách ra thành hai tộc người như hiện nay.

Căn cứ trên cơ sở các nguồn tư liệu về nhân chủng học, ngôn ngữ học và dân tộc học... tác giả Bình Nguyên Lộc đã tổng hợp và phân tích nhiều nguồn tư liệu khác nhau, trong đó chú ý đặc biệt đến tư liệu của J.Cuisinier và đi đến kết luận rằng: "Người Mường tự nhận thấy rằng họ là người Việt, không phải họ thấy sang bắt quàng làm họ, mà trái lại, còn có bằng chứng ngược hẳn". Ông còn khẳng định thêm: "Dấu sao cũng chắc chắn rằng họ là hậu duệ của người cổ Đông Sơn..."⁽²⁾ và "Chúng tôi tạm kết luận rằng người

* Xem: Hoàng Lương. *Những dấu tích của người Thái ở vùng Mường Hoà Bình*, Tc. Dân tộc học, Số 3 (111)-2001.

⁽¹⁾ Nguyễn Lương Bích. *Trong lịch sử, người Việt và người Mường là hai dân tộc hay một dân tộc*. Tạp chí Dân tộc học - Số 4/1974, tr. 1-2.

⁽²⁾ Bình Nguyên Lộc. *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*. Bách Bộc xuất bản - Sài Gòn, 1971, tr. 731, 735.

Mường là quý tộc Lạc Việt từ Hoa Nam Nam Thiên..."⁽³⁾. Theo ông, tầng lớp quý tộc này bị Triệu Đà, rồi Lộ Bác Đức và Mã Viện đánh đuổi phải chạy dạt xuống phía Nam, trong đó có cả quý tộc Thái. Điều đáng chú ý ở đây là số quý tộc này thiên di xuống phương Nam không mang được đàn bà con gái theo vì họ không đủ sức và không đủ cả ý chí đi xa. Vì vậy, số quý tộc trên đã kết hôn với phụ nữ bản địa ở phương Nam và tạo ra lớp con cháu hỗn chủng giữa họ và Mèlannêdiên. Đó là tổ tiên người Mường hiện nay.

Như vậy, theo quan điểm của ông, người Mường là lớp cư dân Mã Lai đợt II từ phương Bắc thiên di xuống chỉ mới cách ngày nay khoảng 2.500 năm, "Khác hẳn dân của vua Hùng Vương đã đến đây từ 5.000 năm rồi"⁽⁴⁾. Tuy người Mường đồng chủng với người Kinh, nhưng lại là người đến sau, bổ sung vào lớp Mã Lai đợt I là người Kinh cổ đại. Nếu quan điểm này đúng thì dù sao người Mường cũng thuộc vào lớp cư dân sinh sống ở nước ta từ thời xa xưa.

Cùng với quan điểm cho rằng người Mường có mặt ở nước ta từ thời cổ còn có các nhà ngôn ngữ học đã đưa ra khá nhiều cứ liệu đáng tin cậy. Theo quan điểm của họ, đã từng tồn tại một thời kỳ "Tiên Việt - Mường" (Proto Việt - Mường) mà "cư dân của họ có khả năng là chủ nhân của những

di tích hậu kỳ đá mới hay sơ kỳ kim khí, có nét gần gũi với văn hoá Phùng Nguyên"⁽⁵⁾. Tiếp theo thời kỳ "Tiên Việt - Mường" là thời kỳ "Việt - Mường chung", chịu nhiều ảnh hưởng của ngôn ngữ Thái mà các bộ lạc Tày cổ (tổ tiên nhiều nhóm Tày-Thái ngày nay ở Việt Nam), lúc đó đang tụ cư quanh vịnh Hà Nội⁽⁶⁾. Cuối cùng, do nhiều tác động của điều kiện tự nhiên và xã hội, khối cư dân "Việt-Mường chung" đã phân chia thành 2 tộc người riêng: người Kinh (có tác giả đã gọi là người Việt miền đồng bằng) và người Mường (người Việt miền núi).

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau giúp chúng ta hiểu biết cụ thể hơn về quá trình này. Mặt khác, các công trình đó cũng đã giúp chúng ta hiểu rõ tại sao giữa tiếng Mường và tiếng Kinh lại có những khác nhau về ngôn ngữ, văn hoá... nhưng xưa kia họ đã từng là một khối cư dân thống nhất mà lâu nay chúng ta quen gọi là người Việt cổ (trong lớp cư dân đó bao gồm cả người Mường và người Kinh).

Theo quan điểm này, rõ ràng là người Mường không ở đâu đến cả mà họ được hình thành trên cơ tầng Môn - Khơ me ở Bắc Đông Dương trong quá trình tiến xuống đồng bằng sau khi biển lùi ở xung quanh vịnh Hà Nội. Tại đây, họ đã cộng cư với các tộc Tày cổ và áp dụng mô hình kinh tế-xã hội lúa nước của người Tày cổ

⁽³⁾ Bình Nguyên Lộc: *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*. Bách Bộc xuất bản - Sài Gòn, 1971, tr. 731, 735.

⁽⁴⁾ Bình Nguyên Lộc: *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*. Bách Bộc xuất bản - Sài Gòn, 1971, tr. 731, 735.

⁽⁵⁾ Phạm Đức Dương: *Nguồn gốc tiếng Việt: từ tiền Việt-Mường đến Việt-Mường chung*, trong: *Những vấn đề lịch sử văn hoá Đông Nam Á. Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á - Viện Đông Nam Á xuất bản, Hà Nội, 1983*. tr. 123, 125 và 132.

⁽⁶⁾ Phạm Đức Dương: Sdd, tr. 123, 125 và 132.

(vì xưa kia người Mường là cư dân canh tác nương rẫy). Quá trình đó đã tạo nên lớp cư dân mới - cư dân Việt - Mường chung⁽⁷⁾. Nếu quan điểm này đúng thì rõ ràng người Mường có nguồn gốc từ một nhóm Môn- Khơ me cổ nào đó, chứ không phải là cư dân Mã Lai đợt II như tác giả Bình Nguyên Lộc đã khẳng định⁽⁸⁾.

Quan điểm trên cũng đã được PGS.TS Đặng Việt Bích nhắc lại rằng: "Người Mường Hoà Bình, không phải là những cư dân đến một địa vực mà trước đó người Thái tụ cư và bỏ đi (...) mà chỉ là môi trường giữa hai nhóm cư dân- tộc người hình thành bởi sự lưỡng hợp giữa hai nhóm cư dân - tộc người có cội nguồn ngôn ngữ, văn hoá và dòng máu khác hẳn nhau, đó là Thái và Nam Á (Môn- Khơme cổ - ĐVB). Hai nhóm cư dân thờ những vị thần khác nhau (thần núi Ba Vì, Sơn Tinh và nữ thần mẹ lúa - Mỵ Nương), dưới sức ép của một tộc Nam Đảo hiếu chiến và thiện chiến (thờ thuỷ thần - thuỷ tinh)"⁽⁹⁾.

Tóm lại, theo quan điểm thứ nhất, người Mường là cư dân thuộc nhóm Môn- Khơme bản địa. Họ đã sinh sống ở Việt Nam từ thời cổ đại, thuộc lớp cư dân của các Vua Hùng ở thời kỳ dựng nước. Thời đó họ sinh sống ở các sườn đồi ven thung lũng của vùng trung du và miền núi của lưu vực sông Thao và sông Đà. Loại hình kinh tế chủ yếu của họ là trồng trọt trên nương rẫy và săn bắn, hái lượm.

Tiếp đó, do sự bùng nổ của dân số và sự kích thích của năng suất lúa nước do cư

dân Thái cổ trồng trọt ở các vùng thung lũng và lưu vực sông Đà, sông Thao, cùng với sự hình thành đồng bằng Bắc Bộ do biển lùi (khoảng 4000 năm trước), họ đã "dồn toa" tràn xuống đồng bằng. Tại đây, lớp cư dân Môn- Khơme cổ này đã tiếp xúc với người Thái cổ và hình thành một cộng đồng cư dân mới. Đó là người Việt - Mường chung, tổ tiên của người Kinh và người Mường hiện nay.

Trước và sau Công nguyên, khối Việt- Mường chung bị phân chia thành 2 nhóm: nhóm Việt miền đồng bằng (sau trở thành người Kinh) và nhóm Việt miền núi (sau trở thành người Mường). Nguyên nhân dẫn đến sự chia tách này có nhiều, song có lẽ chủ yếu là do sự tiếp xúc văn hoá và cộng cư với lớp người Hoa, nhất là Hán của nhóm cư dân Việt miền đồng bằng từ khi chúng sang xâm chiếm nước ta.

Cuộc tiếp xúc sớm sủa đó đã để lại một kết quả là người Mường và người Thái đã trở thành "hai người bạn láng giềng" thân thiết với nhau. Vì vậy sau này chúng ta có thể tìm thấy nhiều yếu tố kinh tế, văn hoá xã hội Mường có các yếu tố Thái cổ và ngược lại. Trong đó, đặc biệt là ngôn ngữ của họ đã bộc lộ khá rõ ràng kết quả của cuộc tiếp xúc sớm sủa và cơ bản này.

Trong những năm qua, khi được tiếp xúc và làm việc với các học giả Thái Lan hoặc học giả các nước khác (nhất là của các châu: Âu, Mỹ và Úc) nghiên cứu về Thái Lan, tôi rất ngạc nhiên khi nhận ra rằng, trong tiếng Thái Lan hiện đại đang có khá nhiều từ đồng âm đồng nghĩa với tiếng Môn - Khơme, nhất là tiếng Kinh ở Việt Nam.

* Ý của GS. Hà Văn Tấn

⁽⁷⁾ Phạm Đức Dương: Sđd, tr. 123, 125 và 132.

⁽⁸⁾ Bình Nguyên Lộc: Sđd, tr. 720.

⁽⁹⁾ Đặng Việt Bích: *Giải thích về dấu tích người Thái ở vùng Mường Hoà Bình*. Tạp chí Dân tộc học, số 6-2003, tr. 51.

Trước đây, nhiều nhà ngôn ngữ học Việt Nam cũng đã nhận ra những từ đồng âm và đồng nghĩa giữa tiếng Thái và tiếng Kinh. Lúc đó, tôi lại tưởng rằng vì người Thái và người Kinh sống gần nhau trong đất nước Việt Nam nên sự giống nhau là hiện tượng dĩ nhiên. Nhưng, khi tìm hiểu

thì lại không hẳn do cuộc tiếp xúc muộn màng về sau này. Bởi vì, nếu sự tiếp xúc diễn ra muộn như thế thì không thể có cả một hệ thống từ vựng cơ bản của tiếng Kinh và tiếng Thái giống nhau đến như thế.

Sau đây là một số cứ liệu chứng minh cho điều đó.

1. Lịch 12 tháng trong một năm của Vương quốc Thái Lan hiện nay tính theo tên 12 con vật:

Tháng	Tên 12 con vật lịch Thái Lan	Tiếng Thái Lan	Tiếng Mường	Tiếng Kinh
1	Chuột	Nu	Thrê (chuột)	Chuột
2	Salu	Khoai (ngua)	Clu (põ)	Trâu (bò)
3	Khản	Xưa	Khải (mong)	Hổ
4	Thọ	Katai	Thọ	Thỏ
5	Marông	Ngu nhày	Thrô ông	Rông
6	Ma sêng	Ngu nọi	Sêng	Rắn
7	Ma mia	Mạ	Ngựa	Ngựa
8	Mame	Phẹ (bẹ)	Tê	Dê
9	Voọc	Linh	Voọc	Khỉ (voọc)
10	La ca	Cây	Ca	Gà
11	Chọ	Ma	Chọ	Chó
12	Cụi	Mu	Cụi	Lợn

Trong 12 con vật trên đã có 10 con đồng âm đồng nghĩa với tiếng Mường (tiếng Việt cổ), chỉ còn 2 con ngựa và dê không giống nhau trong tiếng Thái và tiếng Mường. Điều này giải thích rằng, vì con ngựa và con dê là 2 con vật vốn dĩ là của cư dân chăn nuôi phương Bắc, xưa kia có thể chúng chưa có mặt ở vùng Đông Nam Á cổ đại. Hiện tượng đó càng củng cố thêm quan niệm về mối quan hệ gần gũi giữa khối cư dân Môn- Khơme (tiền Việt-Mường) và khối cư dân Thái cổ đã diễn ra

tại vùng Nam Á cổ đại. Điều đó cũng khẳng định thêm, cuộc tiếp xúc đó chỉ diễn ra trong vùng Đông Nam Á cổ đại chứ không diễn ra ở bất cứ nơi nào khác.

Điều lý thú ở đây là tại sao người Thái Lan lại phải sử dụng đến 10 tên con vật của tiếng Môn- Khơme trong khi người Thái cổ đã có lịch 12 con vật bằng tiếng Thái? Hơn nữa, trong tiếng Thái hiện nay lại có hàng loạt từ (130 từ) đồng âm đồng nghĩa với tiếng Kinh (gồm cả tiếng Mường - Môn-Khơme)?

**2. Một số từ đồng âm đồng nghĩa giữa tiếng Thái
và tiếng Kinh (Mường - Môn- Khơme)**

Số TT	Tiếng Thái	Tiếng Kinh	Ý nghĩa trong tiếng Kinh	Số TT	Tiếng Thái	Tiếng Kinh	Ý nghĩa trong tiếng Kinh
1	Tòn	Đón	Đón	66	Nhỉ ta	Nhử mắt	Rử mắt
2	Tịt	Tịt	Tắc tịt	67	Can	Đòn càn	Cái đòn
3	Ta kiêng	Kiêng	Cái kiêng	68	Ma	Chó má	Con chó
4	Vạy	Vái	Vái lạy	69	Hom	Hơm, thơm	Thơm tho
5	Vong	Vòng	Vòng tròn	70	Huối	Suối	Con suối
6	Xiệp	Xếp	Xếp vào	71	Ka	Kai	Cái ca
7	Soi	Soi	Đường ngách	72	Kống, cong	Trống, cong	Trống, cong
8	Sook	Súc (miệng)	Súc lên	73	Loỏng	Đuống	Đuống giã gạo
9	Suôi	Thoi	Cái thoi	74	Thoong	Lòng	Lòng, bụng
10	Sột	Sốt	Sốt dẻo	75	Thản	Than	Than củi
11	Hỉ	Hỉ	Hỉ mũi	76	Đoi	Đôi	Đôi núi
12	Sư	Chữ	Chữ viết	77	Mọt	Mót	Mót lúa
13	Sut	Sut	Sut lỗ	78	Sem	Thèm	Thèm ăn
14	Sặn	Ngán	Ngán	79	Khêm	Sém	Chay
15	Pome	Bố mẹ	Bố mẹ	80	Xương	Thương	Thương yêu
16	Pa mực	Cá mực	Cá mực	81	Nhằm	Nhắm	Nhắm rượu
17	Mực	Mực	Mực viết	82	Quả khen	Quay tay	Quay tay
18	Piễn	Biển	Biển đổi	83	Chim, chặm	Chấm	Nước chấm
19	Puột	Buốt	Đau buốt	84	Chiêng	Giêng	Tháng Giêng
20	Pì	Bì	Vỏ cây	85	Xiêng	Tiếng	Tiếng nói
21	Líp	Lép	Hạt lép	86	Nghiêng	Nghiêng	Nghiêng ngã
22	Phả	Pha	Pha, chặt	87	Viêng, chiêng	Chiêng, viêng	Trung tâm
23	Huổng	Hoảng	Hoảng sợ	88	Họt hiu	Xót xa	Xót xa
24	Lưỡng	Lường	Đo lường	89	Pất	Bất	Bất lầy
25	Nhộm	Nhuộm	Nhuộm vải	90	Mọp	Móp	Nằm xuống
26	Hông	Hông xôi	Đồ cơm	91	Pun	Bùn	Bùn bự
27	Nghển	Nghển	Nghển cổ	92	Pòn	Bón	Bón cơm
28	Ớp	Ớp, áp	Ớp vào	93	Pọc	Bóc	Bóc vỏ
29	Giọt	Rót	Rót vào	94	Lau	Lau	Chùi
30	Lôn	Lộn	Lăn lộn	95	Phạt	Phát	Phát cây

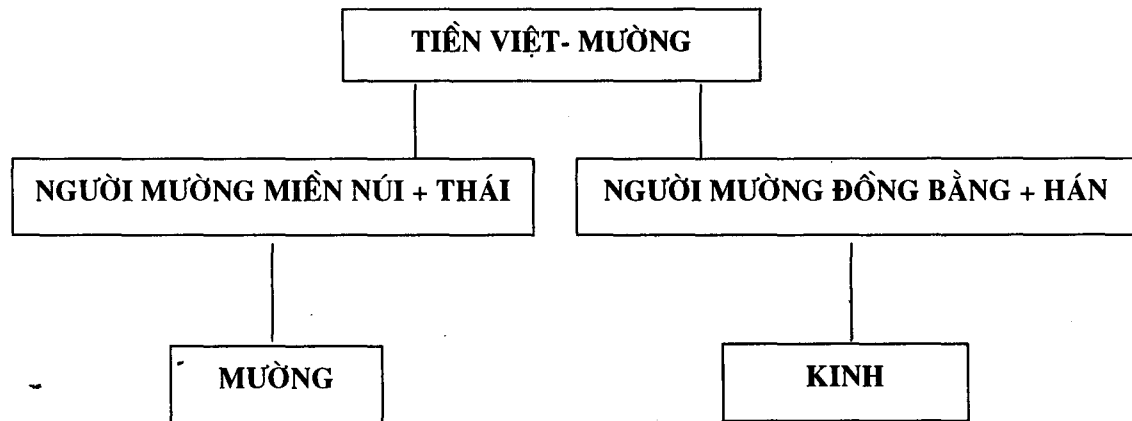
31	Nhiu ta	Nhiu	Nhiu mắt	96	Mương	Mương	Mương phai
32	Khim	Kim	Cái kim	97	Lai	Lái	Mố lái
33	Đậu	Đậu	Đậu xuống	98	Phai	Phai	Cái phai (đập)
34	Lêm	Liêm	Liêm mờ	99	Nẹn	Nén lại	Ép lại chặt
35	Luộc	Luộc	Luộc rau	100	Xền	Xén	Xén cây
36	Khep	Hẹp	Chật chội	101	Xin	Xén gọt	Xén bằng
37	Mọt	Mọt	Con mọt	102	Nôm	Nộm	Nộm rau
38	Dăng	Chăng	Chăng dây	103	Keng	Canh	Nước canh
39	Ngọt	Ngót	Ngót xuống	104	Lô	Lô (tá)	Lô hàng
40	Lat	Lạt	Lát vào	105	Sệt	Hết	Hết, xong rồi
41	Lũm	Lũm, lôm	Lôm xuống	106	Khảo	Khao	Chia nhau ăn
42	Kha rạ	Rạ, rác	Rác rưởi	107	Giam	Giam	Giam giữ
43	Đư	Hư	Hư hỏng	108	Chęc	Chia	Chia nhau
44	Dảng	Dạng	Kiểu (này, nợ)	109	Lakha, kha	Giá	Giá cả
45	Coi	Côi	Cái côi (mông)	110	Hẹng	Hanh khô	Khô cạn
46	Cận	Cản	Ngăn cản	111	Nuột	Nuột	Nặn bóp
47	Dứt	Rứt lại	Dừng, co lại	112	Tọn	Tolni (mường)	Lúc này
48	Cô đột	Đột nhập	Đột nhập vào	113	Dom	Nhòm, ngó	Dòm ngó
49	Dưng	Dâng	Dâng lên	114	Pả	Bà	Bà bác
50	Cào	Báo cáo	Báo cáo	115	Chí	Chỉ	Chỉ tay
51	Chôm	Chim	Chìm xuống	116	Loi	Lội	Lội, bơi
52	Dồn	Dồn	Dồn lại	117	Nẻ	Nẻ	Tránh né
53	Mông	Mong (trong)	Ngóng đợi	118	Khen	Kèn	Khèn (bè)
54	Uôn ẹo	Uốn ẹo	Uốn ẹo	119	Nang	Nàng	Nữ quý tộc
55	Ta lột	Chót lột	Xuôn xẻ	120	Nạ	Mặt nạ	Mặt (người)
56	Lọc	Lọc lừa	Lừa nhau	121	Can, ngăn	Công cán	Công việc
57	Đặng	Phong đặng	Tolên, lớn lên	122	Khem	Kiênghem	Kiênghy
58	Quạt	Quát, quét	Quét (nhà)	123	Mụt	Tối mịt	Tối lảm
59	Quả	Quá	Quá lên	124	Coi	Trông coi	Trông coi
60	Pại	Bãi	Bãi xe	125	Tạ	Đá	Chân đá
61	Leo	Lông leo	Không đặc	126	Mươi	Mỏi	Mệt mỏi
62	Ngân	Ngân	Tiền (bạc)	127	Pẻ	Bẻ	Bẻ con
63	Xiêng	Tiếng	Tiếng nói	128	Vi	Lược bí	Cại lược
64	Sạn, hạn	Sàn	Sàn (nhà)	129	Pọt	Bọt	Bọt nước
65	Xo, kho	Xin xỏ	Xin	130	Si	Si	Si trẻ dai

Ngoài những cứ liệu trên, tháng 11-1994, tôi có dịp đến thăm làng người Môn ở Banglamphu tỉnh Petchaburi (phía Tây Nam Băng Cốc – Thái Lan). Tại đây khi hỏi các ông bà già người Môn, tôi đã có được 35 từ trong số 50 từ tiếng Môn được hỏi giống với tiếng Mường Việt Nam. Đặc biệt là hệ số đếm của người Môn ở đây và tiếng Mường giống nhau đến 80% (chỉ có điều là tiếng Môn phát âm nặng hơn tiếng Mường).

Như vậy, có thể nhận ra rằng tiếng Mường là trực hệ của người Môn chứ không phải là trực thuộc khối cộng đồng Môn- Khơme nói chung. Còn người Mường là trực hệ của nhóm Môn cụ thể nào và từ đâu đến, vào thời gian nào thì còn phải tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu thêm.

Theo những nguồn tư liệu đã biết, có thể nói rằng nhóm Môn trực hệ của người Mường không từ đâu đến mà họ thuộc khối Môn- Khơme cổ đại đã từng phân bố khắp vùng Đông Nam Á xưa kia. Họ chính là người bạn láng giềng của khối cư dân Thái cổ đã từng khai phá và tụ cư ở các thung lũng sông suối của vùng Đông Nam Á thời đó, và sự tiếp xúc ngôn ngữ, văn hoá đã nảy sinh từ thời đó. Cho đến nay, kết quả của sự tiếp xúc ấy vẫn còn đọng lại khá sâu sắc trong cả hai dân tộc Thái, Mường như những tư liệu đã biết ở trên đây.

Trên cơ sở này, có thể phác ra sơ đồ quá trình hình thành người Mường và người Kinh như sau:



Theo sơ đồ này, người Mường và người Kinh tách nhau ra từ thời cổ đại chứ không phải mới tách ra gần đây như các ý kiến đã trình bày nêu trên. Đồng thời quá trình này, trong lòng của cả hai dân tộc

Mường và Kinh đã mang đậm yếu tố Môn Khơme và Thái cổ.

Điều này còn xác nhận thêm quan điểm cho rằng người Thái cổ có mặt ở Đôn Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng từ thời cổ đại là điều dễ hiểu.